

Năng lực cuộc sống - Một số gợi ý và lưu ý khi tích hợp chúng trong lớp học ngoại ngữ

Trần Thị Thanh Tú*¹, Trần Hữu Anh Tuấn²

* Tác giả liên hệ

¹ Email: tranthantusp@gmail.com

Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu
689 Cách Mạng Tháng 8, Long Toàn,
thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

² Email: tuantran158@yahoo.com

Trường Trung học phổ thông Châu Thành
124 đường 27 tháng 4, Phước Hưng,
thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

TÓM TẮT: Thế giới đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng. Thời đại của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - công nghiệp 4.0 đòi hỏi việc chuẩn bị tốt hơn những năng lực cần thiết cho học sinh. Việc giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, cần một cách tinh tế hơn trang bị cho người học những kĩ năng và trải nghiệm vượt ra ngoài giới hạn thông thường của việc học một ngôn ngữ. Bài viết giới thiệu khái quát một số năng lực cuộc sống (tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, giao tiếp, hợp tác, học cách học, trách nhiệm xã hội) đồng thời đưa ra một số gợi ý và lưu ý khi tích hợp chúng trong các lớp học ngoại ngữ để phân nào hỗ trợ giáo viên trong lĩnh vực đầy thách thức này.

TỪ KHÓA: Năng lực cuộc sống, năng lực chuyển đổi, kĩ năng thế kỉ XXI, lớp học tiếng Anh.

→ Nhận bài 12/11/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 24/12/2021 → Duyệt đăng 15/3/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210306>

1. Đặt vấn đề

Thế giới đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng và thời đại của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - công nghệ 4.0 đòi hỏi việc chuẩn bị tốt hơn những năng lực cần thiết cho học sinh. Việc giảng dạy ngoại ngữ, tiếng Anh; cần một cách tinh tế hơn vượt ra ngoài việc học một ngôn ngữ. Bob Pearlman (2010) trong Wan and Gut (2011) đã nhận định, có một sự thừa nhận ngày càng tăng không chỉ ở Mỹ mà còn ở các quốc gia khác rằng kiến thức và kĩ năng của thế kỉ XXI không chỉ được xây dựng dựa trên kiến thức nội dung cốt lõi (core content knowledge) mà còn bao gồm những kĩ năng của thế kỉ XXI như kĩ năng giao tiếp, kĩ năng tư duy và giải quyết vấn đề, kĩ năng sử dụng công nghệ.

Tuy những kĩ năng của thế kỉ XXI như: *Tư duy sáng tạo, Tư duy phản biện, Giao tiếp và Hợp tác* thường được biết đến bởi thuật ngữ 4C's theo thứ tự lần lượt là *Creative thinking, Critical thinking, Communication và Collaboration* đã được đề cập trong Kay (2009) và Kay and Greenhill (2011) trong Wan and Gut (2011), Bedir (2019), mỗi kĩ năng riêng lẻ đó đã tồn tại từ rất lâu. Ví dụ, giao tiếp đã là một mục tiêu then chốt của phương pháp giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT) được đề cập từ năm 1986 bởi Larsen-Freeman: *Học sinh học cách giao tiếp bằng việc giao tiếp* hay đáng chú ý hơn tư duy phản biện đã xuất hiện trong bài viết của John Dewey vào đầu thế kỉ XX, năm 1910.

Trong thời kì Cách mạng công nghệ 4.0, điều tra của ManPower với các chủ doanh nghiệp trên 44 quốc gia chỉ ra rằng những kĩ năng chuyển đổi như giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và sáng tạo sẽ là những kĩ năng được tìm kiếm hơn là năng lực

kĩ thuật (technical expertise). Ngoài ra, nghiên cứu của ManPower cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của khả năng học hỏi, là khả năng nhanh chóng tiếp thu các kĩ năng hoặc kiến thức mới, không quen thuộc, đặc biệt là vì các kĩ năng được yêu cầu ngày nay có thể nhanh chóng lỗi thời trong một vài năm. (UNICEF, 2020).

Khung năng lực cuộc sống trong giảng dạy tiếng Anh của Cambridge, Cambridge University Press đã chỉ ra 6 năng lực cuộc sống: *Tư duy sáng tạo, Tư duy phản biện, Giao tiếp, Hợp tác, Học cách học và Trách nhiệm xã hội*. Kĩ năng giải quyết vấn đề không được đề cập trong 6 năng lực này là vì kĩ năng này vô hình dung sẽ được phát triển và sẽ là kết quả của quá trình chúng ta sử dụng các năng lực trên. Những năng lực cuộc sống này không chỉ là những năng lực thiết yếu trong thế kỉ XXI mà sẽ là những năng lực “trộn đời”, sẽ đồng hành cùng chúng ta trong thế kỉ tiếp theo. Bài viết này phân tích 6 năng lực cuộc sống này của Cambridge (2020) và đưa ra một số gợi ý, lưu ý khi tích hợp chúng trong các lớp học ngoại ngữ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Năng lực cuộc sống thường được gọi là “kĩ năng thế kỉ XXI” hay “năng lực chuyển đổi”. Năng lực cuộc sống bao gồm kiến thức, kĩ năng và thái độ chúng ta cần có để tham gia một cách hiệu quả vào thế giới xung quanh và phát huy hết tiềm năng của chúng ta trong giáo dục, nghề nghiệp và cuộc sống. Một cách tổng quan, 6 năng lực cuộc sống được hiểu như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1: Định nghĩa tổng quát về các năng lực cuộc sống Cambridge (2020)

Tư duy sáng tạo	Người học tích cực tham gia vào các hoạt động sáng tạo, nảy sinh ý tưởng mới và sử dụng chúng để giải quyết vấn đề.
Tư duy phản biện	Người học xác định kiểu cấu trúc và các mối quan hệ, đánh giá ý tưởng và sử dụng các kỹ năng này để giải quyết vấn đề.
Giao tiếp	Người học chọn ngôn ngữ thích hợp nhất để sử dụng trong các tình huống, quản lý các cuộc trò chuyện một cách hiệu quả và thể hiện bản thân một cách rõ ràng và tự tin.
Hợp tác	Người học phối hợp làm việc nhóm tốt với nhau thông qua việc tích cực tham gia vào hoạt động nhóm, lắng nghe người khác, chia sẻ nhiệm vụ và tìm giải pháp cho các vấn đề.
Học cách học	Người học phát triển các kỹ năng thực tế để hỗ trợ và kiểm soát việc học của mình và chiêm nghiệm sự tiến bộ của chính bản thân mình.
Trách nhiệm xã hội	Người học nhận ra và mô tả các vai trò và trách nhiệm khác nhau trong các nhóm khác nhau và hiểu các vấn đề văn hóa và toàn cầu.

Mỗi năng lực được chia thành các lĩnh vực cốt lõi (Core Areas) - đây là những kỹ năng và hành vi rộng tạo nên từng năng lực. Các lĩnh vực cốt lõi này sau đó được chia thành các kỹ năng thành phần (Component skills) - Những kỹ năng thành phần này giúp chúng ta hiểu rõ ràng và chính xác ý nghĩa của từng lĩnh vực cốt lõi. Song song với lĩnh vực cốt lõi và kỹ năng thành phần, khung năng lực cuộc sống cũng liệt kê các hành vi có thể quan sát được (Example Can Do statements) - Đây là những hành vi có thể là mục tiêu phù hợp cho người học ở mỗi giai đoạn học tập khác nhau, từ tiền tiểu học đến trưởng thành. Ngoài ra, để giúp các giáo viên dạy tiếng Anh, Cambridge (2020) cũng cung cấp ngôn ngữ gợi ý (Example language) - gợi ý các cụm từ và ngôn ngữ mà người học có thể thấy hữu ích khi phát triển mỗi năng lực cuộc sống.

2.1.1. Tư duy sáng tạo

Tư duy sáng tạo được Cambridge (2020) chia thành 3 lĩnh vực cốt lõi: *Chuẩn bị cho sự sáng tạo*, *Nghĩ ra các ý tưởng sáng tạo* và *Thực hiện những ý tưởng sáng tạo và giải quyết vấn đề*. Trong đó, kỹ năng thành phần của *chuẩn bị cho sự sáng tạo* là tham gia vào các hoạt động sáng tạo khác nhau, khám phá vấn đề và các khái niệm, xem xét các quan điểm khác nhau, tìm mối liên hệ, liên kết. Đối với *Nghĩ ra các ý tưởng sáng tạo*, kỹ năng thành phần của nó là nghĩ ra các ý tưởng khác nhau, giải thích hay mô tả các ý tưởng và kết hợp chúng, tưởng tượng ra những phương án và khả năng khác nhau. *Thực hiện những ý tưởng sáng tạo và giải quyết vấn đề* được thể

hiện ở việc thử nghiệm và cải tiến ý tưởng, thực hiện, trình bày và giải thích các ý tưởng và giải pháp.

Ví dụ, với kỹ năng thành phần “Tham gia vào các hoạt động sáng tạo khác nhau” trong lĩnh vực cốt lõi *chuẩn bị cho sự sáng tạo*, hành vi có thể quan sát ở mỗi cấp độ lứa tuổi khác nhau là khác nhau. Ví dụ, ở giai đoạn mẫu giáo, hành vi đó là tham gia vào thế giới tưởng tượng và đóng vai sau khi nghe một câu chuyện, và ngôn ngữ thường thấy là *Hãy giả vờ chúng ta là ...*. Ở tiểu học, hành vi này sẽ là tham gia vào những hoạt động tưởng tượng hay có thành tố bí ẩn và ngôn ngữ thường thấy là *Chúng ta hãy tưởng tượng chúng ta là ...*. Ở trung học, hành vi này sẽ là tham gia và có sự phản hồi với các tác phẩm nghệ thuật, âm nhạc hay văn học và ngôn ngữ là *Tôi yêu ...*. Ở trình độ cao hơn (cao đẳng, đại học), hành vi này được thể hiện ở việc tham gia vào các hoạt động sáng tạo phức tạp như tổ chức một sự kiện, buổi biểu diễn hay vở kịch và ngôn ngữ là *Chúng ta có thể làm... không?* Ở môi trường công việc, hành vi đó được thể hiện ở việc tham gia vào các hoạt động hình thành ý tưởng sáng tạo để giải quyết vấn đề và ngôn ngữ thường là *Đây là một vấn đề phức tạp*.

Tư duy sáng tạo nếu được phát triển sẽ giúp học sinh có thêm động lực và tăng sự tò mò ở các em. Khi giáo viên tạo cho các em cơ hội để sáng tạo, học sinh có thể cải thiện lòng tự trọng và nhận thức về bản thân. Điều này cho các em thêm tự tin để có thể suy nghĩ, đặt câu hỏi và có những liên hệ mới mà không cảm thấy lo lắng hay sợ bị bạn bè đánh giá. Để tư duy sáng tạo của học sinh được phát triển tốt, giáo viên nên tôn vinh sự độc đáo - khen ngợi và nếu có thể khen thưởng các em đã có sự sáng tạo và tư duy vượt trội. Giáo viên nên thường xuyên đặt câu hỏi cho học sinh, khuyến khích các em cũng đặt câu hỏi và cân nhắc các quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, để khuyến khích người học thỏa sức sáng tạo suy nghĩ, giáo viên nên có quan niệm rằng, đối với hoạt động sáng tạo, không có câu trả lời nào là câu trả lời sai và giáo viên nên tôn vinh sự đa dạng và thậm chí là “phi lý”. Ngoài ra, giáo viên nên giúp người học cảm thấy rằng, lớp học của mình là một không gian an toàn để tham gia vào các hoạt động phát huy tư duy sáng tạo.

2.1.2. Tư duy phản biện

Tư duy phản biện được Cambridge (2020) chia thành 3 lĩnh vực cốt lõi: *Hiểu và phân tích các ý tưởng và lập luận*, *Đánh giá các ý tưởng và lập luận*, *Giải quyết vấn đề và ra quyết định*. Trong đó, kỹ năng thành phần của *Hiểu và phân tích các ý tưởng và lập luận* là xác định và phân loại thông tin, nhận biết các kiểu cấu trúc và các mối quan hệ, diễn giải và rút ra suy luận từ các lập luận và dữ liệu. Đối với *Đánh giá các ý tưởng và lập luận*, kỹ năng thành phần của nó là đánh giá thông tin

hoặc điểm cụ thể trong một lập luận, đánh giá tổng thể các lập luận và rút ra kết luận thích hợp. *Giải quyết vấn đề và ra quyết định* được thể hiện ở việc xác định và hiểu các vấn đề, xác định, thu thập và sắp xếp các thông tin liên quan, đánh giá các lựa chọn và khuyến nghị để đi đến một quyết định, biện minh cho các quyết định và giải pháp và đánh giá tính hiệu quả của các giải pháp đã thực hiện.

Ví dụ, với kỹ năng thành phần “đánh giá thông tin hoặc điểm cụ thể trong một lập luận” trong lĩnh vực cốt lõi *đánh giá các ý tưởng và lập luận*, hành vi có thể quan sát được ở mỗi cấp độ lứa tuổi khác nhau cũng khác nhau. Ví dụ, ở giai đoạn mẫu giáo, hành vi đó là đánh giá xem một điều gì đó đúng hay sai và ngôn ngữ thường dùng là *Đúng/Sai*. Ở tiểu học, hành vi đó là đánh giá điều gì đó là đúng hay sai và ngôn ngữ có thể dùng là *Mình/Em không nghĩ vậy*. Ở trung học, hành vi là xác định bằng chứng và độ tin cậy của bằng chứng và ngôn ngữ thường thấy là *Làm thế nào bạn chứng minh được điều đó?* Ở trình độ cao hơn, hành vi này được thể hiện ở việc kiểm tra độ rõ ràng, tính tương quan và sự hợp lý của các lập luận và quan điểm khác nhau. Ngôn ngữ trong trường hợp này là *Tôi không nghĩ rằng, điểm đó liên quan hay phù hợp*. Ở môi trường công việc, hành vi là đánh giá tính hợp lý của giải thích trong một lập luận, báo cáo hoặc đề xuất, “trọng lượng” của bằng chứng và ngôn ngữ thường dùng có thể là *Nhưng chắc chắn...?*

Cũng như tư duy sáng tạo, giáo viên có thể cố gắng tạo không gian an toàn để các em học sinh được khám phá các ý tưởng mà các em có lẽ chưa nghĩ đến trước đó. Giáo viên khuyến khích các em cân nhắc các quan điểm khác nhau và “thách thức” quan niệm trước đây của mình. Với tư duy phản biện, một điều khá quan trọng là đặt câu hỏi. Học sinh nên được khuyến khích liên tục đặt câu hỏi cho những thông tin mà các em nhận được và những kết luận mà các em có. Giáo viên có thể động viên các em rèn luyện tư duy phản biện của mình bằng cách đặt câu hỏi: “Tại sao em lại có câu trả lời đó? Làm thế nào mà các em có câu trả lời như vậy? Em có nghĩ là có thể còn có câu trả lời nào khác nữa không?”. Trong khi lắng nghe ý kiến của các em học sinh, giáo viên cũng nên lắng nghe chăm chú và khuyến khích các học sinh trong lớp lắng nghe thực sự để có những nhận xét hay tranh luận thiết thực. Khi làm như vậy, giáo viên sẽ là một tấm gương vì tư duy phản biện của mình và cũng giúp học sinh từng bước cải thiện tư duy phản biện của mình.

2.1.3. Giao tiếp

Giao tiếp được Cambridge (2020) chia thành 3 lĩnh vực cốt lõi: *Sử dụng ngôn ngữ và phong cách phù hợp với ngữ cảnh, Tạo điều kiện và thúc đẩy tương tác, Tham gia tương tác với sự tự tin phù hợp và rõ ràng*.

Trong đó, kỹ năng thành phần của *Sử dụng ngôn ngữ và phong cách phù hợp với ngữ cảnh* là sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tình huống, sử dụng ngôn ngữ và chiến lược giao tiếp đa dạng để đạt được hiệu quả mong muốn, điều chỉnh việc sử dụng ngôn ngữ theo các nền văn hóa và nhóm xã hội khác nhau. Đối với *Tạo điều kiện và thúc đẩy tương tác*, kỹ năng thành phần của nó là sử dụng các chiến lược giao tiếp để tạo điều kiện và thúc đẩy các cuộc trò chuyện và sử dụng các chiến lược để khắc phục khoảng cách ngôn ngữ và sự cố liên lạc. *Tham gia tương tác với sự tự tin phù hợp và rõ ràng* được thể hiện ở việc cấu trúc văn bản nói và viết một cách hiệu quả và sử dụng ngôn ngữ và phong cách trình bày phù hợp cộng với sự tự tin và trôi chảy.

Ví dụ, với kỹ năng thành phần “Sử dụng các chiến lược để khắc phục khoảng cách ngôn ngữ và sự cố liên lạc” trong lĩnh vực cốt lõi *Tạo điều kiện và thúc đẩy tương tác*, hành vi có thể quan sát được mỗi cấp độ lứa tuổi khác nhau cũng khác nhau. Ví dụ, ở giai đoạn mẫu giáo, hành vi đó là sử dụng các chiến lược giao tiếp cơ bản như xin lặp lại và ngôn ngữ có thể dùng là *Bạn/ Cô... có thể nói lại được không vì mình/em không nghe rõ?* Ở tiểu học, hành vi đó là cố gắng sử dụng các từ hay cụm từ thay thế nếu người nghe không hiểu và ngôn ngữ có thể dùng là *Ý em là...* Ở trung học, hành vi là đoán hay “tạo ra” một ngôn ngữ “mới” trên cơ sở kiến thức đã biết và ngôn ngữ có thể thấy là *Bạn có thể nói (từ “mới”) bằng tiếng Anh được không?* Ở trình độ cao hơn, hành vi được thể hiện ở việc can thiệp vào khi có vẻ như có hiểu lầm trong một cuộc trò chuyện hoặc thảo luận và ngôn ngữ là *Xin lỗi. Mình/Em nghĩ có một sự hiểu lầm ở đây.* Ở môi trường công việc, hành vi là diễn giải hoặc tóm tắt những gì người khác đã nói để kiểm tra việc mình hiểu có đúng không và ngôn ngữ có thể thấy là *A, chỉ để (chắc chắn/làm rõ), ý của cô/bạn có phải là...?*

2.1.4. Hợp tác

Hợp tác được Cambridge (2020) chia thành 4 lĩnh vực cốt lõi: *Có trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của nhóm, khuyến khích tương tác nhóm hiệu quả, quản lý việc chia sẻ các nhiệm vụ trong hoạt động nhóm và cộng tác với nhau hướng đến việc hoàn thành nhiệm vụ*. Trong đó, kỹ năng thành phần của *Có trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của nhóm* là tích cực đóng góp vào nhiệm vụ và đảm nhận các vai trò khác nhau. Đối với *khuyến khích tương tác nhóm hiệu quả*, kỹ năng thành phần của nó là lắng nghe và phản hồi với thái độ tôn trọng, thiết lập các cách làm việc cùng nhau và tham gia, hỗ trợ người khác. *Quản lý việc chia sẻ các nhiệm vụ trong hoạt động nhóm* được thể hiện ở việc thống nhất những việc cần thực hiện và quản lý sự phân công nhiệm vụ. Cuối cùng, kỹ năng thành phần của *cộng tác*

với nhau hướng đến việc hoàn thành nhiệm vụ là việc đảm bảo tiến độ để đạt được mục tiêu, xác định vấn đề và khó khăn và giải quyết vấn đề.

Ví dụ, với kỹ năng thành phần đảm bảo tiến độ để đạt được mục tiêu trong lĩnh vực cốt lõi *cộng tác với nhau hướng đến việc hoàn thành nhiệm vụ*, hành vi có thể quan sát được mỗi cấp độ lứa tuổi khác nhau có điểm giống và khác nhau. Ví dụ, ở cả giai đoạn mẫu giáo và tiểu học, hành vi đó đều là giữ cho nhóm tập trung vào mục tiêu bất chấp sự phân tâm và trở ngại và ngôn ngữ có thể dùng là *Nhanh lên!* Ở trung học, hành vi là khuyến khích các bạn khác tập trung vào nhiệm vụ và ngôn ngữ có thể dùng là *Dừng quên...!* Ở trình độ cao hơn, hành vi lại được thể hiện ở việc giữ cho nhóm tập trung vào mục tiêu bất chấp sự phân tâm và trở ngại, giống như ở giai đoạn mẫu giáo và tiểu học, nhưng ngôn ngữ được dùng lại thay đổi - ở một cấp độ cao hơn, ví dụ như: *Chúng ta hãy đi vào vấn đề và bám sát vấn đề*. Ở môi trường công việc, hành vi là tập trung vào mục tiêu chính và không cho phép sự khác nhau về quan điểm làm phân tán sự chú ý và ngôn ngữ có thể thấy, giống với ở trình độ cao đẳng, đại học, là: *Chúng ta hãy đi vào vấn đề và bám sát vấn đề*.

2.1.5. Học cách học

Học cách học được Cambridge (2020) chia thành 3 lĩnh vực cốt lõi: *phát triển các kỹ năng và chiến lược học, kiểm soát việc học và chiêm nghiệm và đánh giá việc học của bản thân*. Trong đó, kỹ năng thành phần của *phát triển các kỹ năng và chiến lược học* là tham gia vào các hoạt động được hướng dẫn, sử dụng các hệ thống hiệu quả để tìm kiếm, lưu giữ và truy xuất thông tin, sử dụng các chiến lược hiệu quả để học và lưu giữ thông tin và sử dụng các chiến lược hiệu quả để hiểu và thực hiện nhiệm vụ. Đối với *kiểm soát việc học*, kỹ năng thành phần của nó là đặt mục tiêu và lập kế hoạch học tập, chủ động cải thiện việc học của chính mình, quản lý môi trường học tập và quản lý thái độ và cảm xúc. Cuối cùng, *chiêm nghiệm và đánh giá việc học của bản thân* được thể hiện ở việc kiểm soát tiến độ, đánh giá việc học và tiến bộ có được, sử dụng phản hồi để cải thiện việc học.

Ví dụ, với kỹ năng thành phần chủ động cải thiện việc học của chính mình trong lĩnh vực cốt lõi *kiểm soát việc học*, hành vi có thể quan sát được mỗi cấp độ lứa tuổi khác nhau cũng tương đối khác nhau. Ví dụ, ở giai đoạn mẫu giáo, hành vi đó là hỏi xin sự giúp đỡ từ cô giáo và ngôn ngữ có thể dùng là *(Từ) này có nghĩa là gì ạ?* Ở tiểu học, hành vi đó là hỏi bạn và ngôn ngữ có thể thấy là *Bạn có thể giải thích... cho mình được không?* Ở trung học, hành vi là lựa chọn cách luyện tập tiếng Anh bên ngoài lớp học (Ví dụ: xem clip/tivi/phim bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh trên mạng xã hội hay đọc tiêu

thuyết/ tạp chí bằng tiếng Anh) và ngôn ngữ là *Minh sẽ (xem/đọc) ...* Ở trình độ cao hơn, hành vi được thể hiện ở việc lựa chọn công cụ hỗ trợ học tập thích hợp để sử dụng cho các kỹ năng học ngôn ngữ khác nhau và ngôn ngữ là *(Ứng dụng) này lí tưởng cho (việc nghe trên đường về nhà)*. Ở môi trường công việc, hành vi là chủ động tham gia các hoạt động hỗ trợ việc học ngôn ngữ và ngôn ngữ có thể gặp là: *Để cải thiện khả năng nghe của tôi, tôi (nghe podcast trong ô tô)*.

2.1.6. Trách nhiệm xã hội

Trách nhiệm xã hội được Cambridge (2020) chia thành 3 lĩnh vực cốt lõi: *hiểu trách nhiệm cá nhân như một phần của nhóm xã hội, thể hiện nhận thức đa văn hóa và hiểu các vấn đề toàn cầu*. Trong đó, kỹ năng thành phần của *hiểu trách nhiệm cá nhân như một phần của nhóm xã hội* là hiểu những trách nhiệm trong một nhóm xã hội, thực hiện và hoàn thành trách nhiệm trong một nhóm xã hội. Đối với *thể hiện nhận thức đa văn hóa*, kỹ năng thành phần của nó là hiểu các khía cạnh của nền văn hóa bản địa, hiểu các khía cạnh của các nền văn hóa khác và tương tác với những người từ các nền văn hóa khác. *Hiểu các vấn đề toàn cầu* được thể hiện ở việc thảo luận các vấn đề toàn cầu và nhận thức tác động của cá nhân đối với các vấn đề toàn cầu.

Ví dụ, với kỹ năng thành phần thực hiện và hoàn thành trách nhiệm trong một nhóm xã hội trong lĩnh vực cốt lõi *hiểu trách nhiệm cá nhân như một phần của nhóm xã hội*, hành vi có thể quan sát được mỗi cấp độ lứa tuổi khác nhau là tương đối khác nhau. Ví dụ, ở giai đoạn mẫu giáo, hành vi đó là nhận biết khi nào các em đang cư xử không đúng và sửa chữa hành vi của các em và ngôn ngữ có thể dùng là *"Minh/Em xin lỗi."* Ở tiểu học, hành vi đó là tuân theo các quy tắc của trường và đưa ra những lựa chọn tích cực về các hành vi và ngôn ngữ có thể thấy là *Trong lớp, em phải (đưa tay lên/tuân theo các quy tắc)*. Ở trung học, hành vi là đóng vai trò tích cực trong việc xác định quyền và trách nhiệm tập thể ở trường và ngôn ngữ là *Theo mình/em, tất cả chúng ta đều có trách nhiệm (chào đón những bạn mới đến với trường học/hỗ trợ những bạn bị bắt nạt)*. Ở trình độ cao hơn, hành vi được thể hiện ở việc nhận biết và "thách thức" các hành vi như định kiến và phân biệt đối xử và ngôn ngữ có thể gặp là *các bạn/cô ... là không công bằng*. Ở môi trường công việc, hành vi là chịu trách nhiệm giải trình cho các hành động và các quyết định của mình và ngôn ngữ các em có thể dùng là *Đó là lỗi của mình/em*.

Ngoài 6 năng lực cuộc sống, Cambridge (2020) còn đề cập đến việc phát triển cảm xúc cho các em học sinh, nhằm giúp các em mô tả và hiểu cảm xúc của mình; quản lý cảm xúc; thông cảm và xây dựng mối quan hệ tích cực với người khác.

2.2. Gợi ý áp dụng tích hợp năng lực cuộc sống vào lớp học ngoại ngữ

Các năng lực cuộc sống, theo Cambridge (2020) - Tư duy sáng tạo, Tư duy phản biện, Giao tiếp, Hợp tác, Học cách học, Trách nhiệm xã hội với các lĩnh vực cốt lõi, kĩ năng thành phần, hành vi có thể quan sát được và ngôn ngữ gợi ý là những gợi ý giúp giáo viên có những hành động phù hợp. Giáo viên không nên nghĩ rằng, năng lực cuộc sống là rất khó và không thể đưa vào hoạt động dạy học. Giáo viên không chỉ giúp học sinh phát triển một năng lực cuộc sống trong bài học mà còn có thể lồng ghép đồng thời các năng lực cuộc sống vào bài học. Chẳng hạn như, một trong những cách để phát triển sự sáng tạo ở các em học sinh là sử dụng hình ảnh. Thông thường khi có một bức hình, giáo viên thường yêu cầu học sinh miêu tả bức tranh. Ở một mức độ nào đó, việc miêu tả tranh cũng sẽ giúp các em thể hiện và phát triển tư duy sáng tạo của mình. Tuy nhiên, giáo viên có thể cân nhắc để giúp kích thích sự sáng tạo ở các em học sinh hơn nữa (xem Hình 1).

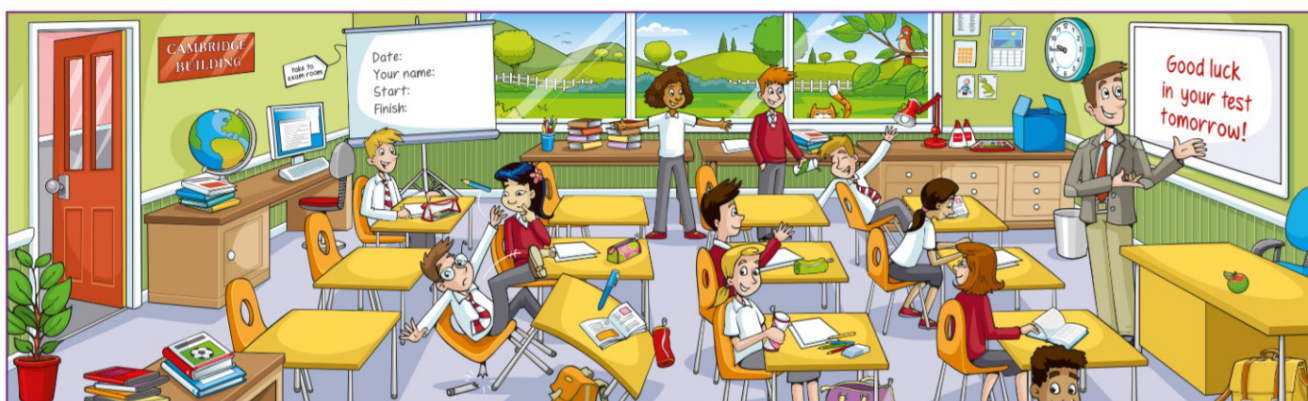
Điều này có thể thực hiện bằng cách cho các em học sinh tưởng tượng mình là một nhân vật nào đó trong bức hình và miêu tả những gì các em nhìn thấy xung quanh vào thời điểm đó cũng như nêu lên cảm xúc của mình. Tùy vào năng lực của học sinh cảnh các em miêu tả có thể ở hiện tại, quá khứ hay tương lai hay là kết hợp của nhiều thời điểm thời gian. Học sinh cũng có thể nhìn hình, suy đoán và mô tả các sự kiện đã xảy ra trước đó, những điểm các em cảm thấy hài lòng hay chưa hài lòng. Ngoài ra, học sinh cũng có thể suy đoán và mô tả các sự kiện xảy ra sau bức hình được cho, những gì các em trông chờ sẽ xảy đến đối với bản thân hay những người xung quanh. Hơn nữa, giáo viên nên tinh tế trong việc lựa chọn các chủ đề và đề tài để học sinh thể hiện các năng lực. Đối với hoạt động nhìn tranh, mô tả và tưởng tượng như trên, giáo viên có thể nếu có thời gian cho các học sinh hỏi nhau “*Bạn đang làm gì?*”, “*Bạn*

gặp ai?”, “*Bạn cảm thấy như thế nào?*” (Năng lực giao tiếp) và đồng thời khuyến khích các học sinh trong lớp lắng nghe và nhận xét hay cùng nhau nhận xét xem việc bạn mình dự đoán các sự kiện xảy ra trước và sau bức hình các em nhìn thấy như vậy có hợp lí không (Tư duy phản biện) hay có thể cho học sinh nói về trách nhiệm của các em đối với lớp học hay trường của mình (Trách nhiệm xã hội). Ngoài ra, giáo viên cũng có thể khuyến khích học sinh thảo luận cùng nhau (Hợp tác) hay tự mình tìm hiểu ý kiến của các chuyên gia về cách tối ưu để các bạn trong bức hình hay bản thân các em có thể có kết quả tốt nhất trong học tập hay trong phòng thi (Học cách học).

2.3. Các lưu ý khi tích hợp năng lực cuộc sống vào lớp học ngoại ngữ

Trong quá trình thiết kế, giáo viên có thể tham khảo năng lực cuộc sống của Cambridge (2020) để tìm cho mình một mục tiêu phù hợp hay có thể sử dụng ngôn ngữ gợi ý được cung cấp để cân nhắc loại ngôn ngữ nào giáo viên có thể sẽ khuyến khích học sinh sử dụng trong khi giải quyết các nhiệm vụ học tập cụ thể. Giáo viên cũng nên cân nhắc ngôn ngữ mình cần dạy hoặc cung cấp cho các em học sinh để giúp các em phát triển năng lực cuộc sống và có thể cân nhắc liệu mình sẽ dùng tiếng mẹ đẻ như thế nào trong thời điểm nào đó của bài học. Tuy nhiên, giáo viên cũng nên ý thức rõ ràng, các ngôn ngữ gợi ý chỉ là gợi ý và có thể thay đổi trong các bối cảnh dạy học khác nhau. Các hành vi có thể quan sát được cũng có thể thay đổi để phù hợp với các đối tượng học sinh trong các bối cảnh dạy học khác nhau.

Ngoài ra, giáo viên nên chú ý và khai thác các hoạt động đã được thiết kế trong sách. Tuy nhiên, giáo viên không nên có quan niệm rằng mình chỉ dùng những hoạt động đó mà không có ý thêm hay thay đổi hoạt động để có thể tập trung vào một hay một vài năng lực, năng lực cốt lõi hay kĩ năng thành phần nào đó. Ở một



(<https://www.cambridgeenglish.org/exams-and-tests/flyers/preparation/>)

Hình 1: Sử dụng hình ảnh phát triển trí sáng tạo của học sinh hay các năng lực khác

cấp độ cao hơn, giáo viên có thể chủ động thiết kế hoạt động, xây dựng bài học xung quanh một hay một vài năng lực, năng lực cốt lõi hay kỹ năng thành phần sử dụng hành vi có thể quan sát được và ngôn ngữ ví dụ.

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên nên ý thức rằng, phát triển năng lực cuộc sống là một mục tiêu của bài học hay mục tiêu học ngôn ngữ. Tuy nhiên, giáo viên cần cố gắng tạo môi trường học tập thân thiện, cởi mở, linh hoạt trong khi tiến hành các hoạt động. Ví dụ, với các trường hợp mà năng lực ngôn ngữ của các em học sinh có thể chưa đủ để thực hiện hoạt động có tư duy phản biện thì giáo viên có thể cho học sinh dùng tiếng mẹ đẻ của mình để thể hiện quan điểm. Giáo viên nên duy trì cái nhìn khách quan về các chủ đề, xử lý các cuộc thảo luận một cách công bằng và cân đối, khuyến khích người học tôn trọng sự đa dạng ý kiến và tốt hơn là khuyến khích người học tự đưa ra ý kiến của mình hơn là nghe hoàn toàn theo ý kiến “hoàn hảo” của giáo viên.

Ngoài ra, giáo viên có thể quan sát học sinh khi tiến hành hoạt động để cho học sinh những phản hồi về năng lực cuộc sống của các em cũng như việc sử dụng ngôn ngữ. Chẳng hạn như, nếu có một học sinh cứ liên tục nói: “*Cô ơi, em không nghĩ em là người sáng tạo.*” Trong trường hợp đó, giáo viên, bằng quan sát của mình, có thể khuyến khích và động viên các em: “*Cô nhận thấy em đã thực hiện rất tốt nhiệm vụ sáng tạo mà cô đưa ra. Em đã làm được điều này..., điều này... nè. Như vậy là sáng tạo đó em.*” Ngoài ra, trong quá trình học, giáo viên cũng nên cho học sinh cơ hội để tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau để các em có thể nhìn thấy rõ hơn điểm mạnh và những điểm mình cần cải thiện hơn nữa. Việc quan sát của giáo viên, sự phản hồi từ giáo viên và bạn sẽ là cơ sở để giáo viên có bước thực hiện tốt hơn trong bài học mới và học sinh cũng có thể ý thức rõ mình hơn để có hành động thích hợp. Sau bài học, giáo viên nên xem lại và chiêm nghiệm những gì đã “rất ổn” để tiếp tục phát huy và những gì giáo viên cần cải thiện cho bài học sau. Trong bước đầu thực hiện, giáo

viên có thể trao đổi cùng đồng nghiệp trong tổ, trong trường những thuận lợi và khó khăn của mình. Việc chia sẻ này nếu được có thể mở rộng ra ở cộng đồng giáo viên trong cùng một thành phố, một tỉnh thành hay quốc gia hay thậm chí vượt biên giới để có thể chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Đối với học sinh trung học, các em có thể cảm thấy lo lắng và đôi phần xấu hổ khi chia sẻ ý nghĩ và ý tưởng của mình, nên giáo viên phản hồi mang tính xây dựng và những lời khen ngợi động viên các em kịp thời, tạo môi trường an toàn và ít lo lắng về việc đánh giá từ các bạn khác để các em học sinh có thể cảm thấy thoải mái và tự do thể hiện quan điểm và hành động của mình.

3. Kết luận

Trước sự thay đổi nhanh chóng của thế giới chúng ta đang sống, giáo viên cần chuẩn bị cho các em những năng lực cuộc sống và trải nghiệm vượt qua giới hạn thông thường của việc học một ngôn ngữ. Hi vọng rằng, với việc giới thiệu khái quát sáu năng lực cuộc sống: Tư duy sáng tạo, Tư duy phản biện, giao tiếp, hợp tác, học cách học, trách nhiệm xã hội, giáo viên có thể có cái nhìn cụ thể hơn và tốt hơn về mỗi năng lực để có thể có những hành động phù hợp trong việc dạy học của mình, giúp các em phát triển các năng lực cuộc sống phù hợp với độ tuổi của mình trong quá trình học tập của các em cũng như tạo tiền đề cho những thành công của các em trong đời sống nghề nghiệp sau này. Hi vọng rằng, những gợi ý và lưu ý khi tích hợp các năng lực cuộc sống trong các lớp học ngoại ngữ sẽ giúp giáo viên cảm thấy tự tin hơn trong việc phát triển các năng lực cuộc sống của các em. Với những thay đổi tích cực trong nền giáo dục của nước nhà và bằng những nỗ lực của giáo viên, học sinh sẽ có được môi trường học tập thuận lợi để có thể phát huy hết năng lực của bản thân và có thể phát triển các năng lực cuộc sống cần thiết cho sự thành công của các em trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bedir, H. (2019), *Pre-service ELT teachers' beliefs and perceptions on the 21st century learning and innovation skills (4Cs)*, Journal of Language and Linguistic Studies, 15(1), 231-246.
- [2] Cambridge, (2020), *The Cambridge Life Competencies Framework: Introduction*, Cambridge University Press.
- [3] Cambridge, (2020), *The Cambridge Life Competencies Framework: Creative thinking*, Cambridge University Press.
- [4] Cambridge, (2020), *The Cambridge Life Competencies Framework: Critical thinking*, Cambridge University Press.
- [5] Cambridge, (2020), *The Cambridge Life Competencies Framework: Communication*, Cambridge University Press.
- [6] Cambridge, (2020), *The Cambridge Life Competencies Framework: Collaboration*, Cambridge University Press.
- [7] Cambridge, (2020), *The Cambridge Life Competencies Framework: Learning to learn*, Cambridge University Press.
- [8] Cambridge, (2020), *The Cambridge Life Competencies Framework: Social responsibilities*, Cambridge University Press.
- [9] Cambridge, (2020), *The Cambridge Life Competencies Framework: Emotional development*, Cambridge University Press.
- [10] Dewey, J. (1910), *How We Think*, D. C Heath & Co Publishers: Chicago.
- [11] Larsen-Freeman, Diane, (1986), *Techniques and*

principles in language teaching, New York: Oxford University Press.

- [12] UNICEF, (2020), *Report: Assessment on employability skills gaps and good practices by business to upskill marginalized and vulnerable young people*, Mekong

Development Research Institute.

- [13] Wan, G. & Gut, D. M, (2011), *Bringing schools into the 21st century*, Springer.
[14] <https://www.cambridgeenglish.org/exams-and-tests/flyers/preparation/>.

LIFE COMPETENCIES - SOME GUIDELINES ON THE INTRODUCTION INTO LANGUAGE CLASSES

Tran Thi Thanh Tu*¹, Tran Huu Anh Tuan²

* Corresponding author

¹ Email: tranthanhtusp@gmail.com

Ba Ria - Vung Tau College of Education

689 Cach Mang Thang 8, Long Toan,

Ba Ria city, Ba Ria - Vung Tau province, Vietnam

² Email: tuantran158@yahoo.com

Chau Thanh High School

No.124, 27 thang 4 street, Phuoc Hung,

Ba Ria city, Ba Ria - Vung Tau province, Vietnam

ABSTRACT: *The world is witnessing rapid changes. The era of the Fourth Industrial Revolution - 4.0 Industry requires better preparation of the necessary competencies for students. Foreign language teaching in general and English language teaching in particular; therefore, should equip students with the skills and experiences that go beyond learning an additional language. It is the aim of this article to give a brief introduction about life competencies (Creative thinking, Critical thinking, Communication, Collaboration, Learning to learn, Social responsibilities) and at the same time give some guidelines on the introduction of those competencies into English language classes so that teachers would find it easier to deal with this challenging area.*

KEYWORDS: Life competencies, transferable skills, 21st century skills, English classes.